

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/LĐ-PT

Ngày: 26/3/2019

V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Ngọc Tài
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Trương Văn Hiền Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/2019/TLPT - LĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 338/2018/LĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 613/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1987. Địa chỉ: 15/3 L, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1983 hoặc Bà L, sinh năm 1986. Ông D và bà L có cùng địa chỉ: Số 2251/18 P, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 018894 do Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 08/9/2017)

2. Bị đơn: Công ty HL. Địa chỉ trụ sở chính: 214 T, phường T2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông T, sinh năm 1991. Địa chỉ: 04 T3, phường T4, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2018)

3. *Người kháng cáo:* Ông C – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày có nội dung thống nhất như sau: Từ ngày 26/5/2016 đến ngày 26/6/2016, Ông C được nhận vào thử việc tại Công ty HL (*gọi tắt là Công ty HL*). Sau thời gian thử việc, ngày 01/7/2016, Ông C và Công ty HL do bà D1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết Hợp đồng lao động số 28/2016/HĐLĐ-HL. Nội dung hợp đồng thể hiện: Hợp đồng lao động có thời hạn 36 tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016 đến ngày 30/6/2019; Chức vụ là nhân viên; lương cơ bản: 3.745.000 đồng/tháng; trả lương bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản; Ngày trả lương được trả 01 lần vào ngày 09 đến ngày 11 của tháng liền kề.

- Về yêu cầu khởi kiện, quan điểm, ý kiến của nguyên đơn: Sau khi được nhận vào làm việc, Ông C làm việc tại bộ phận sản xuất của Công ty HL. Ngày 28/11/2016, bà T4 thuộc phòng nhân sự mời ông vào phòng họp và yêu cầu ông thôi việc, toàn bộ yêu cầu này bà T4 trao đổi bằng lời nói, không lập thành văn bản. Đến ngày 12/12/2016, khi ông đến Công ty làm việc thì bị bảo vệ chặn lại không cho vào khu vực làm việc. Đến chiều ngày 12/12/2016, ông được Công ty thanh toán tiền lương. Ngày 14/12/2016, ông được Công ty HL hoàn trả 1/3 tiền lương mà Công ty đã tạm giữ trước đó. Thực hiện đúng theo yêu cầu của Công ty, ngày 15/12/2016 ông đã bàn giao công việc cho bà N là nhân viên kế hoạch sản xuất và có xác nhận của Công ty. Đến ngày 13/02/2017, ông nhận được Thông báo yêu cầu đi làm lại của Công ty nhưng ông không đi làm lại vì quá thời hạn hủy bỏ thông báo chấm dứt hợp đồng nhưng Công ty không tự ra quyết định hủy bỏ. Theo nguyên đơn, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật và không thanh toán trợ cấp thôi việc hoặc bồi thường tiền chấm dứt hợp đồng lao động mà không có lý do chính đáng là trái với quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động 2012. Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty thanh toán các khoản sau đây: Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trên thời gian còn lại của hợp đồng từ tháng 12/2016 đến tháng 06/2019, tương đương 31 tháng x 12.000.000 đồng = 372.000.000 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội tính từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2019 là: 30 tháng x 12.000.000 đồng x 22% = 79.200.000 đồng; Tiền bảo hiểm thất nghiệp là: 3 tháng x 12.000.000 đồng x 60% = 21.600.000 đồng; Tổng số tiền là: 472.800.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu khởi kiện nào khác, mức lương để tính các khoản bồi thường là mức lương ông thực lãnh trong thời gian làm việc tại Công ty là 12.000.000 đồng/tháng. Đồng thời ông C xác định không có nguyện vọng quay trở lại công ty làm việc.

- Ý kiến và quan điểm của bị đơn: Công ty HL không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do: Trong quá trình làm việc tại Công ty, ông C

đã vi phạm nội quy khi không hoàn thành công việc được giao cụ thể theo biên bản làm việc ngày 23/11/2016. Ngày 28/11/2016, Công ty đã điều chuyển ông C qua một vị trí mới thuộc bộ phận sản xuất nằm trong chuyên môn và ông C không có ý kiến. Trong thời gian ông C suy nghĩ về việc chuyển vị trí, ông C lại tái phạm khi không hoàn thành công việc được giao cụ thể trong biên bản làm việc ngày 02/12/2016. Ngày 02/12/2016 ông C tranh cãi với ông Nguyễn Lợi (Trưởng phòng sản xuất) rồi tự ý nghỉ việc mà không báo bất kỳ lý do gì cho Ban giám đốc. Đến ngày 13/02/2017, Công ty đã gửi thông báo yêu cầu ông C đi làm lại nhưng không thấy phản hồi. Ông C tự ý nghỉ việc mà không thông báo với Công ty đã gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất và hoạt động của Công ty. Việc tự ý nghỉ việc của ông C là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vi phạm quy định tại Điều 37 và Điều 41 Bộ luật Lao động. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 14/5/2018, bị đơn – Công ty HL có đơn yêu cầu phản tố, Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tạm ứng án phí, nhưng Công ty không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí. Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định Công ty đã nhận Thông báo của Tòa án nhưng không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí. Do đó, Tòa án không thụ lý nên không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông C có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông C trình bày sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông có tìm hiểu và biết được Công ty có ban hành Quyết định số 39 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày của mình cho Hội đồng xét xử và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm chứng cứ. Về phía bị đơn xác định Công ty không có ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C do đó không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, các đương sự xác định Ông C đã được Công ty trả đủ tiền lương đến ngày 10/12/2016 và nhận đủ số tiền ký quỹ mà Công ty thanh toán là 13.341.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ông C không chứng minh được Công ty HL đã ra Quyết định nghỉ việc đối với ông, phía bị đơn Công ty HL không thừa nhận việc đã cho ông C nghỉ việc. Mặt khác Công ty đã có Thông báo ngày 13/02/2017 yêu cầu ông C đi làm lại nhưng ông C không phản hồi. Do đó, căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 338/2018/LĐ-ST ngày 20/11/2018 Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 41 Bộ luật lao động;

Điều 43; Điều 49 Luật việc làm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông C về việc buộc Công ty HL trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trên thời gian còn lại của hợp đồng từ tháng 12/2016 đến tháng 06/2019 là: 31 tháng x 12.000.000 đồng = 372.000.000 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội tính từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2019 là: 30 tháng x 12.000.000 đồng x 22% = 79.200.000 đồng; Tiền bảo hiểm thất nghiệp là: 3 tháng x 12.000.000 đồng x 60% = 21.600.000 đồng; Tổng số tiền là: 472.800.000 đồng (bốn trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng)

2. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn – Ông C không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 05/12/2018, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 338/2018/LĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận M. Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, không nhận định chứng cứ có liên kết, đánh giá và nhận định tài liệu chứng cứ không khách quan, chưa chuẩn xác. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo Ông C có người đại diện theo uỷ quyền là Ông D trình bày: Ngày 28/11/2016, bà T4 thuộc phòng nhân sự làm việc với ông C và yêu cầu ông C phải thôi việc. Ông C xác định bà T4 là quản lý nội bộ công ty, có quyền hành ngang Ban giám đốc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà T4 có quyền đại diện người sử dụng lao động cho thôi việc đối với người lao động. Sau ngày 28/11/2016, ông C vẫn đi làm bình thường nhưng Tòa án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của Công ty, bảng chấm công để xác định ông C tự ý nghỉ việc trong khi ông C vẫn nhận lương những ngày làm việc tháng 12/2016. Đến ngày 12/12/2016, khi ông C đến Công ty làm việc thì bảo vệ Công ty không cho vào khu vực làm việc. Sau khi ông C khiếu nại thì ngày 13/02/2017, ông C nhận được Thông báo yêu cầu đi làm lại của Công ty, căn cứ vào Điều 40 Bộ luật lao động thì thời hạn hủy bỏ việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đã hết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty HL có người đại diện theo uỷ quyền là Ông T trình bày: Công ty không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C.

Ngày 02/12/2016, ông C tranh cãi với ông Nguyễn Lợi (Trưởng phòng sản xuất) rồi tự ý nghỉ việc mà không báo bất kỳ lý do gì cho Ban giám đốc. Ông C xác nhận bà T4 làm việc và yêu cầu buộc ông phải thôi việc là không đúng vì bà T4 không có thẩm quyền đại diện cho Công ty giải quyết cho người lao động thôi việc. Vì muốn tạo điều kiện cho người lao động, đến ngày 13/02/2017, Công ty đã gửi thông báo yêu cầu ông C đi làm lại nhưng không thấy phản hồi. Ông C tự ý nghỉ việc mà không thông báo với Công ty đã gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất và hoạt động của Công ty. Việc tự ý nghỉ việc của ông C là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vi phạm quy định tại Điều 37 và Điều 41 Bộ luật Lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ lao động và việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các bên đương sự thể hiện:

Ngày 01/7/2016, Ông C và người đại diện theo pháp luật của Công ty HL đã xác lập quan hệ lao động thông qua Hợp đồng lao động số 28/2016/HĐLĐ-HL, hợp đồng có thời hạn 36 tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016 đến ngày 30/6/2019; Chức vụ ông C đảm nhiệm là nhân viên kế hoạch sản xuất; Tiền lương bao gồm lương cơ bản: 3.745.000 đồng/tháng, lương cứng và lương thời gian; trả lương bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ông C làm việc cho Công ty từ tháng 7/2016 đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp. Vào các ngày 23/11/2016 và ngày 02/12/2016, Công ty có lập biên bản nội dung trao đổi về các vi phạm của ông C.

Theo nguyên đơn, ngày 28/11/2016, bà T4 thuộc phòng nhân sự của Công ty mời ông vào phòng họp và yêu cầu buộc ông thôi việc, nhưng ý kiến của bà T4 chỉ thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản, không có tài liệu,

chứng cứ nào cho thấy Công ty đã có văn bản hoặc Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C. Sau khi trao đổi với bà T4 – đại diện Công ty thì đến ngày 12/12/2016 ông C mới đến Công ty để làm việc nhưng bảo vệ không cho vào. Ngày 13/02/2017, Công ty có Thông báo yêu cầu đi làm lại gửi đến ông C. Ông C xác định ông đã nhận Thông báo ngày 13/02/2017 của Công ty nhưng ông không đi làm và xác nhận ngày 15/12/2016 ông bàn giao công việc và từ đó trở đi không đến Công ty làm việc.

Ông C không chứng minh được Công ty HL đã ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C. Công ty HL xác định Công ty không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C. Bản thân bà T4 chỉ là quản lý nội bộ, không phải là người có thẩm quyền chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động của Công ty.

Từ những tình tiết, tài liệu chứng cứ trên, Cấp sơ thẩm nhận định Công ty HL không có hành vi chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C, việc ông C không đến làm việc được coi là tự ý bỏ việc và người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Công ty HL không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông C về việc: buộc Công ty phải trả lương cho ông C những ngày ông không được làm việc tính từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2019 với số tiền là 372.000.000 đồng, buộc Công ty trả tiền bảo hiểm xã hội tính từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2019 cho ông C với số tiền 30 tháng x 12.000.000 đồng x 22% = 79.200.000 đồng; yêu cầu Công ty trả 03 tháng tiền bảo hiểm thất nghiệp với số tiền 21.600.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn Ông C

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 41 Bộ luật lao động; Điều 43; Điều 49 Luật việc làm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông C về việc: Buộc Công ty HL trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trên thời gian còn lại của hợp đồng từ tháng 12/2016 đến tháng 06/2019 là 31 tháng x 12.000.000 đồng = 372.000.000 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội tính từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2019 là 30 tháng x 12.000.000 đồng x 22% = 79.200.000 đồng; Tiền bảo hiểm thất nghiệp là 3 tháng x 12.000.000 đồng x 60% = 21.600.000 đồng; Tổng số tiền là: 472.800.000 đồng (bốn trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng)

2. Về án phí: Nguyên đơn Ông C được miễn nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài